BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU ĐỒ PHÂN BỔ HỌC PHẦN THUỘC KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (96 TC)

PHẦN A: HỌC PHẦN BẮT BUỘC

HỌC KỲ 1: 18	HỌC KỲ 2: 19	HỌC KỲ 3: 21	HỌC KỲ 4: 21	HỌC KỲ 5: 19	HỌC KỲ 6: 8
Số TC bắt buộc: 18	Số TC bắt buộc: 17	Số TC bắt buộc: 19	Số TC bắt buộc: 16	Số TC bắt buộc: 15	Số TC bắt buộc: 8
23505001 – 3 – Hình họa – Vẽ kỹ thuật 1	23505002 – 3 – Hình họa – Vẽ kỹ thuật 2	23504004 – 3 – Thiết kế kiến trúc 1	23102005 – 2 – Giáo dục thể chất	23501013 – 2 – Đồ án bê tông	23401002 – 3 – Thực tập tốt nghiệp ngành xây dựng
23101001 – 3 – Toán cao cấp A1	23504001 – 3 – Cấu tạo kiến trúc 1	23501007 – 2 – Bê tông cốt thép 1	23501009 – 2 – Bê tông cốt thép 2	23401001 – 4 – Thực hành tay nghề cơ bản	23500001 – 5 – Khóa luận tốt nghiệp ngành xây dựng
23502001 – 2 – Cơ lý thuyết	23502002 – 3 – Sức bền vật liệu 1	23501004 – 2 – Cơ học đất	23501005 – 2 – Nền và móng	23506010 – 2 – Đồ án tổ chức thi công	- Học phần thay thế khóa luận:
23103001 – 2 – Tin học đại cương	23506001 – 2 – Trắc địa	23502004 – 3 – Cơ học kết cấu	23501011 – 3 – Kết cấu thép	23506009 – 2 – Tổ chức thi công	23501023 – 3 – Bê tông cốt thép 3
23101004 – 2 – Vật lý đại cương	23800029 – 2 – Pháp luật đại cương	23300010 – 3 – Anh văn	23506012 – 3 – Kỹ thuật thi công	23506006 – 2 – Đồ án kỹ thuật thi công	23506016 – 2 – Đồ án thi công lắp ghép
23900001 – 3 – Vật liệu xây dựng	23200001 – 2 – Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin 1	23200002 – 3 – Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin 2	23200004 – 2 – Tư tưởng Hồ Chí Minh	23200003 – 3 – Đường lối Cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	
23102006 – 3 – Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	23102007 – 2 – Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	23102008 – 3 – Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	23300012 – 2 – Anh văn chuyên ngành (khối Công nghệ kỹ thuật)		

PHẦN B: HỌC PHẦN TỰ CHỌN

Số TC tự chọn tối thiểu: 2	Số TC tự chọn tối thiểu: 2	Số TC tự chọn tối thiểu: 5	Số TC tự chọn tối thiểu: 4
23101002 – 2 – Toán cao cấp A2	23100001 – 2 – Tâm lý học đại cương	23504002 – 2 – Cấu tạo kiến trúc 2	23506008 – 2 – An toàn lao động (23506012)
23103003 – 2 – Tin học văn phòng	23100002 – 2 – Phương pháp nghiên cứu khoa học	23504005 – 2 – Thiết kế kiến trúc 2 (23504004)	23601010 – 2 – Dự toán xây dựng 1 (23506012)
23100007 – 2 – Con người và môi trường	23100003 – 2 – Xã hội học đại cương	23700016 – 3 – Cấp thoát nước công trình	23602002 – 3 – Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
23101005 – 2 – Xác suất thống kê	23100004 – 2 – Cơ sở văn hóa Việt Nam	23502003 – 2 – Sức bền vật liệu 2 (23502002)	23601016 – 2 – Pháp luật trong xây dựng
23101003 – 2 – Hóa đại cương	23100005 – 2 – Kỹ năng mềm	23103002 – 2 – Tin học ứng dụng ngành xây dựng	23501006 – 2 – Đồ án nền móng (23501005)
23501002 – 2 – Địa chất công trình	23100006 – 2 – Logic học đại cương	23900007 – 2 – Thí nghiệm vật liệu xây dựng đại cương	23402003 – 2 – Thiết kế điện công trình

Ghi chú: → : Tiên quyết - - → : Học trước ····→ : Song hành

Ngày tháng 10 năm 2015
TRƯỞNG KHOA